

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 293/2019/HSPT
Ngày 03 - 10 - 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Chung.

2. Ông Văn Công Dân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án Nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 297/2019/TLPT-HS ngày 05/9/2019 đối với các bị cáo Lý Trường G, Đàm Trương H, Lê Đức T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 198/2019/HSST ngày 30/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Họ và tên: **LÝ TRƯỜNG G** - Sinh ngày 08 tháng 5 năm 1992; Tại: Tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: 217/7 A, phường B, thành phố BMT; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công chức; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Lý Thanh D và bà Bùi Thị Đ; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 24/8/2017, bị Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 08/11/2018 đến ngày 17/11/2018 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa;

2. Họ và tên: **ĐÀM TRƯƠNG H** - Sinh ngày: 24 tháng 7 năm 1992; Tại: Tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: 204 A, phường B, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn:

12/12; Con ông: Đàm Văn E và bà Trương Diệu F; Bị cáo có vợ là Bùi Kim L (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 08/11/2018 đến ngày 17/11/2018 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa;

3. Họ và tên: **LÊ ĐỨC T**- Sinh ngày: 04 tháng 02 năm 1992; Tại: Tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: 354 A, phường B, thành phố BMT; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Lê Đức I và bà Phạm Thị J; Bị cáo có vợ là Trương Thị Thúy K (Đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 08/11/2018 đến ngày 17/11/2018 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa;

Bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị: Bị cáo Bùi Tấn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Tấn Q là đối tượng nghiện ma túy. Do không có việc làm ổn định, nên Q nảy sinh ý định mua ma túy loại khay và thuốc lắc về bán lại kiếm lời. Q liên hệ đối tượng nam giới tên S (chưa rõ nhân thân, lai lịch) để mua ma túy, cụ thể: Mua 01 viên ma túy thuốc lắc với giá 300.000đ rồi bán lại với giá 350.000đ, ma túy khay mua với giá 1.100.000đ bán lại với giá 1.200.000đ. Khi có đối tượng mua ma túy, Q bỏ ma túy vào vỏ bao thuốc lá hiệu Jet hoặc Caraven, rồi thuê xe taxi mang đến giao cho khách, còn tiền taxi người mua tự trả. Với phương thức và thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ tháng 9/2018 đến tháng 01/2019, Q đã thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Vào khoảng 15h00' ngày 07/11/2018, Lê Đức T và Đàm Trương H nhắn tin điện thoại rủ Lý Trường G đến nhà của H ở căn hộ số 6, tầng 12, khu C, chung cư A1, phường TA, thành phố BMT góp tiền mua ma túy khay, thuốc lắc về sử dụng thì G đồng ý. Sau đó, T sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone, màu trắng, gắn sim số 0906047777 liên hệ với Q qua số điện thoại 0942093435 hỏi mua 02 viên thuốc lắc hình tam giác màu xanh dương và 05 chấm khay với giá 6.700.000đ. Q đồng ý và yêu cầu T trả tiền trước bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng. Sau khi liên lạc với Q xong, T nói G và H góp tiền để mua ma túy, G góp 3.500.000đ, H góp 500.000đ còn T góp 1.000.000đ, tổng cộng 5.000.000đ do không đủ tiền nên T gọi điện thoại cho chị Trương Thị Như H2, trú tại: 23 PCT, thị trấn QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk nhờ chuyển số tiền 6.700.000đ cho Q. Chị H2 sử dụng tài khoản ngân hàng V chi nhánh Đắk Lắk có số tài khoản 0231000646263 của mình chuyển tiền vào số tài khoản 0231000667952 của Q mở tại ngân hàng V chi nhánh Đắk Lắk. Sau khi nhận được tiền, Q lấy 02 viên thuốc lắc và 05 gói nylon chứa chất ma túy loại khay bỏ vào

bao thuốc lá hiệu Jét và gọi xe taxi mang đến trước cổng khu chung cư A1 giao cho T. Sau khi mua được ma túy, T mang lên căn hộ của H để sử dụng cùng H, G, chị H2 và chị Đinh Ngọc K. Đến khoảng 23h30' cùng ngày, khi tất cả đang sử dụng ma túy thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Buôn Ma Thuột phối hợp với Công an phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột kiểm tra, phát hiện bắt quả tang và thu giữ: 01 viên nén hình tam giác màu xanh dương, 01 viên nén hình tròn màu xanh lá cây và 03 gói nylon chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng, đã niêm phong theo quy định (ký hiệu M1); 01 chai nhựa chứa chất lỏng màu xanh, mặt trước có dán giấy ghi chữ Listerine, đã niêm phong theo quy định (ký hiệu M2). Tại Cơ quan điều tra, Lý Trường G khai nhận 01 viên nén hình tròn màu xanh lá cây và 01 chai nhựa chứa chất lỏng màu xanh, mặt trước có dán giấy ghi chữ Listerine bị thu giữ là của G mang đến nhà H để sử dụng.

Tại bản kết luận giám định số: 1004/GĐMT - PC09 ngày 12/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: 01 viên nén hình tròn màu xanh lá cây gửi giám định là ma túy, loại ma túy MDMA, khối lượng 0,3464gam; 01 viên nén hình tam giác màu xanh dương gửi giám định là ma túy, loại ma túy MDMA, khối lượng 0,4027gam; Chất rắn dạng tinh thể màu trắng trong 03 gói nylon là ma túy, loại ma túy Ketamine, khối lượng 2,8155gam.

Tại bản kết luận giám định số: 6938/C09 - TT2 ngày 18/12/2018 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: Không tìm thấy các chất ma túy trong mẫu chất lỏng màu xanh đựng trong chai nhựa nhãn hiệu Listerine gửi giám định. Thể tích chất lỏng là 50ml.

*** Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 198/2019/HSST ngày 30/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã Quyết định:**

Tuyên bố các bị cáo Lý Trường G, Đàm Trương H, Lê Đức T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

- Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lý Trường G 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị bắt tạm giữ từ ngày 08/11/2018 đến ngày 17/11/2019.

- Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đàm Trương H 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn đã bị bắt, tạm giữ từ ngày 08/11/2018 đến ngày 17/11/2018;

- Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Đức T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án; được khấu trừ thời hạn đã bị bắt tạm giữ từ ngày 08/11/2018 đến ngày 17/11/2019.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên hình phạt với bị cáo Bùi Tấn Q về tội mua bán trái phép chất ma túy, quyết định về xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 05/8/2019 các bị cáo Lý Trường G, Đàm Trương H, Lê Đức T có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Lý Trường G, Đàm Trương H, Lê Đức T và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy* theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp lý, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét mức hình phạt đối với các bị cáo mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo là phù hợp, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không có chứng cứ gì mới đề xuất trình nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị HĐXX phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không có tranh luận gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào chiều ngày 07/11/2018, tại khu vực trước Chung cư A1, phường TA, thành phố BMT, Bùi Tấn Q có hành vi bán 0,4027gam ma túy loại MDMA và 2,8155gam ma túy loại Ketamine cho Lý Trường G, Đàm Trương H, Lê Đức T. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, tại căn hộ số 6, tầng 12, khu C Chung cư A1, Đàm Trương H, Lý Trường G và Lê Đức T có hành vi tàng trữ trái phép 0,4027gam ma túy loại MDMA và 2,8155gam ma túy loại Ketamine; ngoài ra Lý Trường G có hành vi tàng trữ 0,3464 gam ma túy loại MDMA; mục đích để sử dụng cho bản thân các bị cáo thì bị phát hiện, bắt quả tang cùng tang vật.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Lý Trường G, Đàm Trương H và Lê Đức T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét mức hình phạt 01 năm 03 tháng tù với các bị cáo Lý Trường G, Lê Đức T và mức hình phạt 01 năm 06 tháng đối với bị cáo Đàm Trương H mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là phù hợp so với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tại Cơ quan điều tra cũng như tại Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Tại phiên

toà phúc thẩm các bị cáo có cung cấp thêm đã nộp án phí hình sự sơ thẩm thể hiện sự ăn năn hối cải của các bị cáo.

Do đó, để thể hiện chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta nên chấp nhận một phần kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Sửa bản hình sự sơ thẩm số:198/2019/HSST ngày 30/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên các bị cáo Lý Trường G, Đàm Trương H, Lê Đức T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Lý Trường G, Đàm Trương H, Lê Đức T - Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 198/2019/HSST ngày 30/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột về phần hình phạt.

[2] Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

- Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt bị cáo Lý Trường G 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án; được khấu trừ thời gian đã bị bắt tạm giữ từ ngày 08/11/2018 đến ngày 17/11/2018;

+ Xử phạt bị cáo Lê Đức T 01 (Một) năm tù “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị bắt tạm giữ từ ngày 08/11/2018 đến ngày 17/11/2018.

- Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đàm Trương H 01 (Một) năm 03 (ba) tháng tù “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn đã bị bắt tạm giữ từ ngày 08/11/2018 đến ngày 17/11/2018;

[3] Về án phí: Các bị cáo Lý Trường G, Đàm Trương H, Lê Đức T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- Cục T.H.A DS tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan T.H.A HS Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục T.H.A DS Tp. BMT;
- Cơ quan T.H.A hình sự Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Lê Thị Tùng